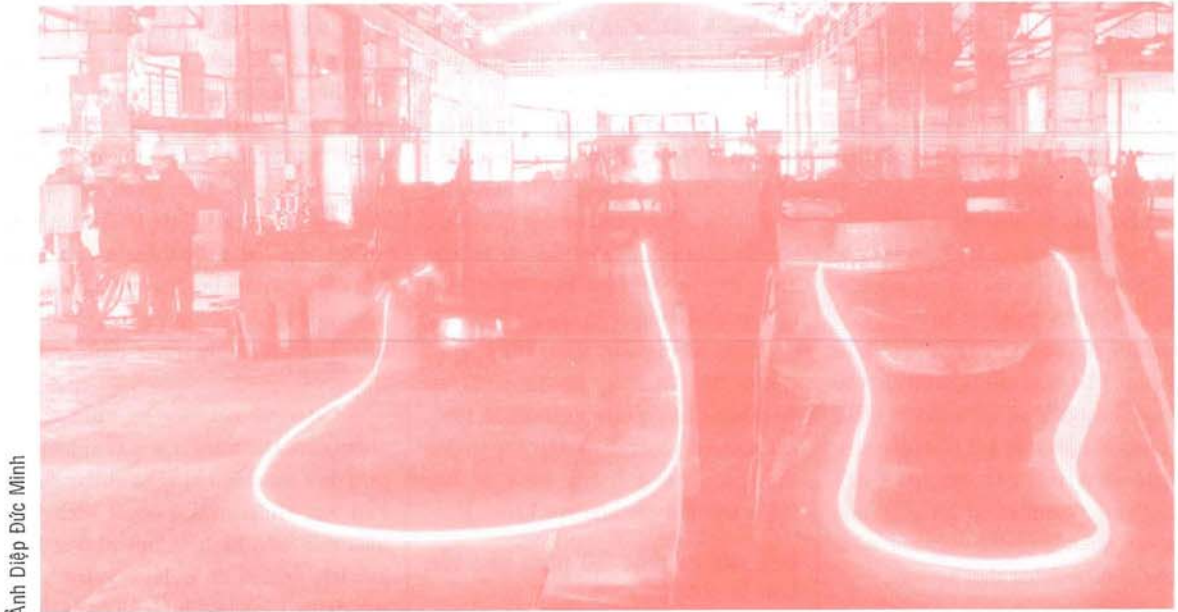




Ảnh Diệp Đức Minh

Các chính sách tác động không thuận lợi đến phát triển các khu công nghiệp

PGS. TS. PHƯƠNG NGỌC THẠCH

Theo đánh giá của các công ty tư vấn đầu tư nước ngoài, các yếu tố ưu đãi ít được nhà đầu tư sử dụng để tính toán hiệu quả dự án. 80% dự án vẫn đầu tư không tính đến các yếu tố ưu đãi, họ chỉ xem trọng môi trường đầu tư, sự thân thiện của chính quyền qua thủ tục hành chính, sự ổn định nhất quán và tính minh bạch trong chính sách nhà nước.

Chúng ta thường nhấn mạnh VN là thành viên của ASEAN, nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và lao động, đặc biệt là môi trường kinh tế chính trị ổn định, nên là thị trường có tiềm năng thu hút vốn FDI, tạo cơ hội phát triển các khu công nghiệp. Song tại sao VN lại là nước thu hút FDI thấp hơn các nước Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia..., mặt khác ở trong nước tại sao Bình Dương, Vĩnh Phúc trở nên những tỉnh thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển các khu công nghiệp, tại sao

Hà Tây, tỉnh cửa ngõ của thủ đô, giáp ranh Hà Nội, không phát huy được lợi thế, Bình Dương (Sông Bé cũ) và Long An cùng giáp ranh TP.HCM mà năm 1994 Sông Bé - Bình Dương có GDP 521,5 tỷ đồng và tỉnh Long An 733,6 tỷ đồng (giá 1989), Long An cao hơn Bình Dương, nay Bình Dương đi xa về phát triển KCN. Có thể nói đóng vai trò quyết định trong phát triển các khu công nghiệp Bình Dương, Vĩnh Phúc thời gian qua chính là chính sách nhà nước.

Sau 15 năm 1991-2005 cả nước có 130 KCN, KCX, thu hút 4.516 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 2.202 dự

án có vốn đầu tư nước ngoài của 40 nước và vùng lãnh thổ. Trong năm 2005 giá trị sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp chiếm 28% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước, giá trị xuất khẩu của các khu công nghiệp chiếm 19% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Các KCN, KCX đã giải quyết việc làm cho 740 ngàn lao động trực tiếp.

Quá trình 15 năm xây dựng và phát triển các khu công nghiệp nước ta đã gặt hái được nhiều thành tựu, song việc phát triển các khu công nghiệp giai đoạn vừa qua còn bộc lộ nhiều hạn chế

Hình thành và phát triển các khu công nghiệp nước ta trong thời gian qua

mới tập trung vào tăng thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI về mặt số lượng, bất kể vào lĩnh vực nào, quy mô bao nhiêu, công nghệ thế nào. Có thể nói chưa có thu hút đầu tư trong nước và FDI vào các KCN về mặt chất lượng: phần lớn các dự án trong các khu công nghiệp nước ta tập trung vào ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp gia công, rất ít các ngành công nghệ cao, vốn lớn. Trên 60% hàng hóa xuất khẩu của các DN KCN-KCX thực chất là hàng gia công nên giá trị gia tăng không cao. Quy mô các dự án chủ yếu nhỏ, năm 1997 là 23 triệu USD/dự án, đến nay chỉ còn trung bình 3,44-4 triệu USD/dự án. Loại công nghệ phổ biến hiện nay của các doanh nghiệp trong KCN-KCX vẫn nghiêng về chủng loại trung bình, điều này thể hiện qua năng lực xuất khẩu trên đầu người còn thấp 8711 USD so với 140.000 USD ở các KCN Đài Loan, năng lực xuất khẩu/người ở các KCN, KCX Đài Loan gấp hơn 15 lần so với VN.. Nhà đầu tư chủ yếu từ các nước công nghiệp mới, ít các nhà đầu tư Mỹ, EU, đặc biệt là các tập đoàn xuyên quốc gia vốn lớn. Tình hình đó làm cho các KCN của VN chưa ngang tầm với các KCN của các nước trong khu vực.

KCN chuyên ngành quá ít, không có tính chuyên và cơ cấu hợp lý, phù hợp với khả năng và lợi thế của từng khu. Hầu như địa phương nào cũng có các khu công nghiệp với chức năng tương tự nhau, dẫn tới tình trạng cạnh tranh nhau gay gắt, thậm chí có tình trạng chen lấn thu hút đầu tư. Để cạnh tranh thu hút FDI vào các khu công nghiệp, các tỉnh đã đưa ra các chính sách ưu đãi quá mức của các địa phương, tài chính và đất đai là 2 lĩnh vực được ưu đãi vượt khung nhiều nhất. Hạ giá đất (giá cho thuê đất của các tỉnh ĐBSCL cho các dự án đầu tư vào KCN thấp hơn nhiều so với giá thành đầu tư xây dựng hạ tầng), miễn giảm thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp của VN 28%, thấp hơn Trung Quốc 33%, Bangkok 30%) nghĩa là dùng ngân

sách trợ giúp, giảm một số chi phí (chi phí cho 1 nhân viên ở TP.HCM dưới 135 USD, ở Bangkok 179 USD, ...) để tăng khả năng cạnh tranh cho mình mà quên đi những yếu tố thuận lợi về giao thông vận tải, cung cấp điện, cấp nước và thải nước, có lao động kỹ thuật giỏi, thủ tục hành chính đơn giản... nhằm đảm bảo tổng chi phí sản xuất vận chuyển và đầu tư ở khu công nghiệp là nhỏ nhất.

Do vậy không phải hạ thấp giá cho thuê đất, giảm miễn thuế, giảm một số chi phí sẽ thu hút được đầu tư. Bài học các tỉnh ĐBSCL đã đưa nhau có giá thuê đất rẻ dao động khoảng 0,6-0,9 USD/m²/năm, cũng không thu hút FDI vào phát triển các KCN như TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai có giá thuê đất cao hơn (như Bình Dương 32-38 USD/m²/năm, Tân Tạo TP.HCM 55-70 USD/m² năm). Bài học Bình Dương cho thấy các nhà đầu tư bỏ TP.HCM vào Bình Dương đều có chung nhận xét, địa phương này không xa TP.HCM là bao, hạ tầng tốt, chi phí lại rẻ hơn bình quân 1/3 so với đầu tư ở TP.HCM, tình hình cho thuê đất còn 33,6% chưa bằng mức trung bình cả nước 45%. Năm 2004 Đồng Nai dẫn đầu thu hút đầu tư nước ngoài được 1,01 tỷ USD, cái hấp dẫn của Đồng Nai là giải quyết những khó khăn cho nhà đầu tư, xúc tiến thương mại lo tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp, đẩy mạnh nội địa hóa giúp nhà sản xuất hạ chi phí sản xuất.

Đặc biệt phát triển các KCN chưa kết hợp kinh tế với xã hội. Đa số người dân quanh khu công nghiệp không hưởng lợi từ xây dựng khu công nghiệp tại nơi mình sinh sống. Người dân địa phương mất đất, chờ đợi tái định cư, phát sinh mâu thuẫn giữa phát triển KCN và cuộc sống của người dân di dời, ngoài ra 97% công nhân trong các khu công nghiệp tự tìm kiếm chỗ ở, sống tạm bợ trong các nhà trọ, tệ nạn xã hội đầy rẫy. Sự phát triển KCN không tăng việc làm cho người dân địa phương do chưa được đào tạo nghề. Phát triển khu công nghiệp chỉ là một khía cạnh,

chuẩn mực cuối cùng là mức sống của người dân. Kết quả nghiêm trọng có thể xảy ra nếu chỉ chú ý đến phát triển khu công nghiệp và sao nhãng phát triển xã hội. Đây là bài học của Trung Quốc trong phát triển KCN.

Phát triển các khu công nghiệp của nước ta cũng chưa coi trọng bảo vệ môi trường, môi trường bị xem nhẹ. Có thực tế không ít người các nhà quản lý ngầm chấp nhận có sự hy sinh nào đó về môi trường để hướng tới mục tiêu ưu tiên số 1 là phát triển nhiều khu công nghiệp nhất, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất. Bộ kế hoạch và đầu tư đưa ra những quyết định như những dự án đầu tư vào KCN, KCX phải hoàn tất các hạng mục công trình xử lý chất thải mới được phép hoạt động. Khi cho thuê được 50% diện tích thì phải tiến hành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. Nhưng thực tế trong 106 KCN hiện hữu của cả nước chỉ có 16 KCN được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung, còn lại là đang xây dựng hoặc chưa đầu tư. Vừa qua báo chí và Bộ tài nguyên môi trường đã lên tiếng về ô nhiễm môi trường sông Đồng Nai và Thị Vải do các khu công nghiệp đã thải các hóa chất ra mà không xử lý. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới, VN hiện đang đứng vào hạng đội sổ trong số các nước ASEAN về độ bền vững môi trường.

Những tồn tại đó nguyên nhân chủ yếu là do chính sách nhà nước đối với phát triển các khu công nghiệp còn chưa cập nhật. Sau đây là một số dẫn chứng

Chính sách tài chính

Trong phát triển các khu công nghiệp nước ta, chính sách thuế còn nhiều bất cập.

Trước đây VN buộc DN trong KCX phải xuất khẩu 100%. DN nội địa đưa hàng vào KCX gia công khi nhận hàng ra phải đóng thuế như hàng nhập khẩu, kết quả là DN trong KCX ít nhận được hàng gia công từ nội địa, còn DN nội địa thích nhập khẩu, trong khi ở các nước doanh nghiệp đầu tư vào KCX được bán hàng sản xuất vào nội địa.

Trước kia doanh nghiệp kinh

doanh xuất nhập khẩu chỉ cần đạt doanh thu xuất khẩu 30% thì được hưởng thuế suất ưu đãi, nay phải đạt 50% mới được hưởng.

Chính sách thuế hiện nay của VN (tháng 5.2004) đã xóa ranh giới giữa KCX-KCN với bên ngoài và khiến cho việc thu hút đầu tư vào KCX-KCN VN kém thuận lợi hơn so với nước ngoài. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong KCX của Trung Quốc trung bình khoảng 15%, những doanh nghiệp xuất khẩu từ 70% sản phẩm thì mức thuế này chỉ còn 10%, còn mức thuế thu nhập doanh nghiệp trung bình của VN là 28%. Bên cạnh đó kinh doanh kho vận trong KCX VN bắt buộc phải liên doanh, Trung Quốc cho nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ này với thuế thu nhập doanh nghiệp cũng chỉ 15% thì làm sao VN có thể cạnh tranh được.

Chính sách thuế chưa thực sự thúc đẩy phát triển công nghiệp như những DN có tỷ lệ nội địa hóa cao sẽ được hưởng thuế suất thấp khi nhập khẩu nguyên vật liệu nhưng sẽ không có ý nghĩa từ năm 2006, vì thuế suất của DN có tỷ lệ nội địa hóa cao hay thấp đều như nhau, mới đây giảm thuế nhập khẩu kinh kiện điện tử bình quân còn khoảng 8%, chỉ có lợi cho DN lắp ráp, bất lợi cho DN sản xuất linh kiện.

Ngoài ra chính sách thuế của VN là ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp nhỏ và trong thời gian đầu. Kết quả là mất nguồn thu thuế, thí dụ huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai có đến 6-7 khu công nghiệp, song so với GDP trên địa bàn huyện, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2000 đạt 2%, năm 2005 đạt 10%, một tỷ lệ khá thấp so với nhiều nơi kể cả nơi chưa có khu công nghiệp (tỉnh công nghiệp chưa phát triển), qua nguồn thu năm 2005 thu thuế công thương nghiệp của huyện giảm mạnh, do chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng giá trị sản xuất khá cao, song trong giai đoạn ưu đãi thuế nên mức đóng góp cho ngân sách còn chiếm tỷ trọng thấp. Hậu quả của chính sách là các nhà đầu tư chia nhỏ

doanh nghiệp và lập nhiều doanh nghiệp mới để được miễn giảm thuế, đưa đến quy mô các doanh nghiệp nhỏ, ít có khả năng cạnh tranh khi gia nhập WTO.

Nhìn chung thu nhập thuế tính theo GDP của VN khá cao 21,3%, trong khi của Trung Quốc 15,7%, ASEAN 19,7%. Ở Singapore 98% sản phẩm không thu thuế. Điều tra các doanh nghiệp tại TP.HCM cho thấy 50% doanh nghiệp cho rằng những khó khăn trong hoạt động sản xuất thời gian qua là do ảnh hưởng của chính sách thuế.

Chính sách đất đai

Sự phát triển các KCX, KCN đang gặp nhiều khó khăn trở ngại, khó khăn chủ yếu vẫn nằm trong khâu đất đai, đền bù. Theo Ban quản lý các KCN, KCX, đầu tư vào các KCN giảm nguyên nhân chính là do các KCN không có sẵn đất để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư do thiếu quỹ đất, mặc dù khách hàng không thiếu, trong khi quỹ đất còn nhiều nhưng lại không khai thác được do giá đền bù giải tỏa tăng mạnh, giá san lấp mặt bằng lớn. Hầu hết các KCN đều gặp khó khăn trong đền bù giải tỏa. Mặt khác giá thuê đất trong KCN, KCX khá cao, cao nhất trong khu vực (theo JETRO), giá cả đất đai của các thành phố VN cao hơn so với các nước trong khu vực, giá thuê đất TP.HCM gấp 4-6 lần Trung Quốc, 6 lần Thái Lan, chi phí cho đất đai ngày càng tăng, đã tác động xấu đến thu hút đầu tư vào các KCN. Có thể nói chính sách đất đai của ta hiện nay chưa phục vụ cho phát triển KCN.

Ngoài ra các khu công nghiệp được lập quá nhiều, ở nhiều nơi có quá nhiều khu công nghiệp dẫn tới chiếm diện tích đất khá lớn trong quỹ đất hạn hẹp của nước ta, làm giảm diện tích đất nông nghiệp đặc biệt là ở những vị trí đất trồng trọt mẫu mớ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Đến thời điểm 1.2005 cả nước có 106 KCN, KCX có diện tích 14.000 ha đất công nghiệp có thể cho thuê, trong khi đó tổng số đất

cho thuê chỉ bằng 45% diện tích có thể sử dụng, đã gây lãng phí lớn về đất đai. Nhiều KCN thành lập cách nay 2-3 năm, thậm chí 4-5 năm mà chưa có khách đến thuê: KCX Hải Phòng 96, KCN Sài đồng A Hà Nội, KCN Kim Hoa Vinh phúc là những thí dụ.

Chính sách lao động

Các dự án đầu tư thu hút vào các KCN ở các địa phương có nhu cầu lớn về cán bộ quản lý người VN giỏi, công nhân tay nghề cao, kỷ luật lao động tốt, song đa số các nơi không đáp ứng được. Chất lượng nguồn lao động của chúng ta cả về chất và tinh thần đang có vấn đề, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các KCN, KCX. Đó không chỉ là vốn tri thức, trình độ nghề nghiệp mà còn cả phẩm chất đạo đức, kỷ luật lao động. Đây chính là nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào các khu công nghiệp.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo của chúng ta chưa phục vụ tốt cho phát triển các KCN. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của lực lượng lao động cả nước là 24,8%, trong đó qua đào tạo nghề là 15,2%, ở TP.HCM năm 2005 có 40% lao động được đào tạo chuyên môn, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở KCN-KCX chỉ mới 20%. Ở các nước phát triển lao động kỹ thuật đạt 65%.

VN đang đối diện vấn đề thiếu hụt đội ngũ nhân sự có trình độ cao, đang và sẽ là rào cản trong việc phát triển các khu công nghiệp. Lao động dồi dào và rẻ không còn là lợi thế nữa mà là lao động có trình độ cao và có phong cách chuyên nghiệp.

Mặt khác đa số người dân tại chỗ không hưởng lợi từ phát triển các khu công nghiệp do không những mất đất mà còn không được đào tạo nên không tìm được việc làm trong các khu công nghiệp.

Chính sách giá

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế quốc tế trong hầu hết mọi lĩnh vực kinh tế của VN, chi phí sản xuất đều rất cao. Chính sách giá chưa hợp lý, chi phí đầu tư vào VN còn quá cao, làm

giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm, làm nản lòng các nhà đầu tư. Theo JETRO Nhật cho biết cước phí viễn thông, chi phí lưu thông giao nhận, điện, nước... hiện nay tại VN quá cao so với các nước trong khu vực. Giá thành nhiều sản phẩm VN cao hơn giá thị trường quốc tế, dẫn tới không xuất khẩu được hoặc phải chịu lỗ. Các doanh nghiệp VN hiện nay đang chịu ba yếu tố tác động làm tăng giá đầu vào: xăng dầu, nguyên liệu, chi phí vận chuyển và bảo hiểm.

Các chi phí và lệ phí liên quan đến giao nhận tại các cảng biển và sân bay quá cao làm tăng chi phí đầu vào và làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm VN.

Chính sách khoa học công nghệ

Loại công nghệ phổ biến hiện nay của các doanh nghiệp trong KCN-KCX vẫn nghiêng về chủng loại trung bình, 65% số thiết bị kỹ thuật công nghệ của các ngành sản xuất hiện nay đã được đầu tư sử dụng trên 20 năm và thuộc nhiều thế hệ công nghệ khác nhau, trong đó không ít thiết bị có từ 40-50 năm. Mặt bằng chung về trình độ công nghệ và trang thiết bị của VN lạc hậu từ 2-3 thế hệ so với các nước công nghiệp phát triển, tỷ lệ trang thiết bị kỹ thuật cũ, công nghệ lạc hậu và trung bình chiếm 60-70%.

Đầu tư vào các khu công nghiệp nước ta chủ yếu là các công ty Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông... là những nước, khu vực có công nghệ chưa cao. Trung Quốc đã thu hút được 400 trong số 500 công ty xuyên quốc gia hàng đầu thế giới bỏ vốn đầu tư vào những ngành công nghiệp quan trọng như sản xuất ô tô, chế tạo máy, điện tử, viễn thông, vừa thành lập các nhà máy lớn, vừa xây dựng các trường đại học cao đẳng, các cơ sở nghiên cứu triển khai tại chỗ.

Chính sách chuyển giao công nghệ của chúng ta mới chỉ tập trung tạo điều kiện cho nhập khẩu công nghệ phần cứng, còn chưa có chính sách đòi hỏi các nhà cung cấp nước ngoài phải chuyển giao toàn bộ kỹ năng thực hành

công nghệ.

Các DN VN chính sách còn hạn chế đối với nhập khẩu công nghệ, như quy định mức giá trần chuyển giao công nghệ 5% giá bán tịnh là quá thấp, chưa có sự rạch ròi giữa chuyển giao bán đứt và quyền sử dụng giới hạn lisence.

Chính sách đô thị hóa

Chưa có chính sách đô thị hóa thống nhất. Phát triển các KCN chưa kết hợp với quy hoạch và quá trình đô thị hóa, phân bố dân cư, theo hướng hình thành mạng lưới đô thị hài hòa, rộng thoáng. Các KCN thường phát triển riêng rẽ, đầu tư tất cả các hạng mục công trình, kể cả xây dựng các cụm dân cư, điều đó đưa đến phá vỡ quy hoạch đô thị hóa, đầu tư tốn kém, làm tăng chi phí xây dựng KCN, giảm hiệu quả các KCN, KCX.

Ngoài ra chi phí tiêu dùng của người lao động, nhân viên các khu công nghiệp đang ngày càng tăng. Một nghịch lý: Hà Nội và TP.HCM là 2 thành phố nằm trong số những thành phố có chi phí sinh hoạt đắt đỏ nhất trên thế giới. Tại khu vực Đồng Nam Á, giá cả sinh hoạt ở Hà Nội và TP.HCM còn đắt hơn cả các thành phố như Singapore, Bangkok, Kuala Lumpur, Jakarta nơi có mức thu nhập bình quân tính theo đầu người cao gấp vài ba lần. Điều tra của hãng tư vấn nguồn nhân lực Mercer có trụ sở tại London: Hà Nội và TP.HCM lần lượt xếp thứ 29 và 36. Tại khu vực Đồng Nam Á, Hà Nội và TP.HCM bỏ xa các thành phố khác về mức độ đắt đỏ khi Jakarta đứng thứ 45, TP Singapore 46, Kuala Lumpur 104, Bangkok 119.

Chính sách phát triển các ngành dịch vụ

Các ngành dịch vụ có vai trò quan trọng trong phát triển hiệu quả và bền vững các KCN. Vừa qua dịch vụ tài chính bảo hiểm, vận tải hàng không, đường biển, bưu chính viễn thông, dịch vụ tư vấn hỗ trợ đầu tư, đào tạo lao động kỹ thuật... chưa phục vụ tốt cho các KCN. Ở các tỉnh có nhiều KCN chúng ta thấy trong cơ cấu kinh tế tỷ trọng

công nghiệp cao hơn tỷ trọng dịch vụ khá nhiều. Năm 2004 Đồng Nai có tỷ trọng CN 57%, DV 26%, Bình Dương có tỷ trọng CN 63%, DV 26%. Tổng quan cơ cấu kinh tế của nhiều nước cho thấy ở các nước phát triển tỷ trọng dịch vụ trong GDP đạt khoảng 60-70%, ở các nước kém phát triển, tỷ lệ này xấp xỉ 40%. Tỷ trọng các ngành dịch vụ cao hơn tỷ trọng các ngành công nghiệp và xây dựng, đưa đến phát triển các khu công nghiệp hiệu quả và bền vững.

Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng có vai trò quan trọng trong thu hút đầu tư và phát triển các KCN. Hạ tầng cơ sở cả trong và ngoài hàng rào phát triển giúp cho chi phí sản xuất và lưu thông giảm đáng kể. Thực vậy nhờ có cơ sở hạ tầng tốt thời gian qua TP.HCM đã thu hút đáng kể đầu tư trong nước và nước ngoài vào các KCN.

Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng có nhiều điều bất cập. Chẳng hạn trong vận tải biển, các cảng biển TP.HCM hầu hết đều nằm trong khu vực nội thành, các cảng dùng chung các tuyến giao thông dân sinh của TP, đã gây nên ách tắc giao thông và tăng chi phí vận chuyển.

Mặt khác việc hình thành quá nhiều KCN dẫn tới tốn kém xây dựng kết cấu hạ tầng và chôn vốn vào kết cấu hạ tầng lâu và lớn, hiệu quả khu công nghiệp bị giảm sút.

Chính sách phát triển dịch vụ công - Cải cách hành chính

Theo đánh giá của các công ty tư vấn đầu tư nước ngoài, các yếu tố ưu đãi ít được nhà đầu tư sử dụng để tính toán hiệu quả dự án. 80% dự án vẫn đầu tư không tính đến các yếu tố ưu đãi, họ chỉ xem trọng môi trường đầu tư, sự thân thiện của chính quyền qua thủ tục hành chính, sự ổn định nhất quán và tính minh bạch trong chính sách nhà nước.

(Xem tiếp trang 25)

giả được trình bày ở đây. Mục này khó viết nhất ở chỗ cung cấp vừa đủ chi tiết để hiểu được thử nghiệm nghiên cứu nhưng không làm rối trí độc giả. Nhìn chung, tác giả sẽ phải trả lời những câu hỏi sau: (1) *Dữ liệu nào đã sử dụng?* (2) *Chúng được sử dụng như thế nào?* (3) *Địa điểm và thời gian hoàn thành thử nghiệm?*

5. Kết quả (Results): Mục này tóm tắt những kết quả thử nghiệm và không đề cập đến ý nghĩa của chúng. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... Những dữ liệu đã ghi theo bảng không nên trình bày lại theo hình vẽ hay biểu đồ. Những số liệu và bảng biểu tự chúng đã trình bày đầy đủ thông tin mà không cần phải giải thích thêm bằng lời. Mục này nên tập trung vào những xu hướng và khác biệt chính chứ đừng sa vào những chi tiết nhỏ nhất.

6. Diễn giải và Phân tích kết quả (Discussion): Mục này nhằm: (1) Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận, (2) Mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Điều này cho thấy đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó. Tất nhiên, người viết phải có những lý lẽ thật lôgic cho những thử nghiệm và suy luận của mình và cũng có thể đề nghị tiếp tục những thử nghiệm trong tương lai để làm sáng tỏ những vấn đề còn bỏ ngỏ trong kết quả của mình.

7. Phần cảm ơn (Acknowledgements) hay **Tài liệu tham khảo** (Reference): Người viết cảm ơn những người đã cộng tác nghiên cứu với mình và liệt kê tất cả tài liệu đã trích dẫn trong bài viết. Cách trình bày theo thứ tự, tên tác giả, tác phẩm, năm tháng, nơi xuất bản v.v... có thể khác nhau giữa các tạp chí (trước sau, in nghiêng, in đậm

v.v...).

Phần lớn các tạp chí khoa học đều theo cách trình bày trên, tuy nhiên cũng có thể khác nhau chút ít như ghép chung các mục Results và Discussion, hoặc xếp mục Materials and Methods sau mục Discussion. Đối với những tạp chí có đối tượng bạn đọc rộng rãi như *Science* và *Nature* thì các bài viết khoa học được rút gọn tối đa vì phải dành trang cho những bài viết khác. Những dữ liệu ít quan trọng và phần lớn nội dung trình bày phương pháp và thử nghiệm, độc giả có thể tìm hiểu thêm trên tạp chí trực tuyến của họ. Cũng có tạp chí không nhất thiết sử dụng đầy đủ tên gọi các mục như trên tuy nội dung vẫn theo trình tự như vậy, như họ không đặt tên mục là Tóm tắt, hay Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu, Kết quả, Diễn giải và Phân tích... Ví dụ như bài *Evaluating Living Wage Laws in the United States: Good Intentions and Economic Reality in Conflict?* đăng trong *Economic Development Quarterly* (2.2005) có nội dung như sau: What Is a Living Wage? Quantifying the Concepts Measuring Poverty, Thresholds Regional Living Costs, Estimating Costs of

Living Wage Ordinances, Data Sources, Wage and Benefit Increases, Cost Estimates, Alternative Adjustments for Covered Firms, Contractors - Only Ordinances, Adjustments under Areawide Ordinances, Labor Substitution, Conclusions, Notes, References (không đánh số La Mã); bài *Estimation with Price and Output Uncertainty* đăng trên *Journal of Applied Economics* (12.2005) với nội dung I. Introduction, II. Additive output uncertainty, III. Multiplicative output certainty, IV. Empirical exercise, V. Results & Concluding và References, hay bài *Employment Generation for the Rural Poor in Asia: Perspectives, Patterns, and Policies* đăng trên *Asian Development Review* (1.2006) với nội dung:

I. Introduction, II. Models of Rural Development, III. Rural Employment: the Evidence, IV. Other Stylized Patterns In Rural Employment, V. Policies for Employment Generation, VI. Concluding Remarks và References

■

(Dựa trên tài liệu trực tuyến của các trường đại học và tạp chí khoa học nghiên cứu của Mỹ).

(Tiếp theo trang 13)

Các chính sách tác động ...

Song thời gian qua thủ tục về thuế, hải quan rắc rối, rườm rà, cơ chế ưu đãi đầu tư của VN theo đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài là phức tạp nhất thế giới. Dịch vụ công được đầu tư không tương xứng với vai trò của nó đã làm ảnh hưởng lớn đến công việc điều hành quản lý, đến cải cách hành chính, đến cơ chế một cửa của KCN. Nhà nước chưa có chính sách chuyển từ công tác quản lý hành chính sang công tác dịch vụ công theo cơ chế một cửa trong quản lý phát triển các KCN.

Môi trường pháp lý của VN vẫn còn 6 không: không minh bạch, không nhất quán, không đồng bộ, không ổn định, không khả thi, không tiên liệu được.

Trong các chính sách trên bốn vấn đề được coi là bức xúc nhất tác động không thuận lợi đến phát triển các khu công nghiệp nước ta là chính sách tài chính, chính sách đất đai, thủ tục hành chính và việc thi hành các chính sách ở cấp địa phương.

Trên đây là một số nhận thức và vấn đề đặt ra đối với phát triển KCN. Cần có nhận thức đúng, từ đó có chính sách đúng thì các KCN, KCX mới phát triển đúng hướng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của nước ta ■